

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 851/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958, hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh B, tạm trú: Tổ 4, khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI D V U ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 29/9/2020, bản tự khai ngày 28/10/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Thị D trình bày:*

Bà D và ông B đăng ký kết hôn ngày 10/7/2003 tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận P, Thành phố H. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn

ông B về sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 3 B, phường T, thị xã B, tỉnh B. Đến năm 2013, ông B tạm trú tại khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng do hai vợ chồng không có con chung nên thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 3 năm 2017 ông B rời khỏi địa phương không rõ làm gì, ở đâu. Bà D đã nhiều lần liên hệ cho ông B và gia đình ông B nhưng không liên lạc được và không có thông tin về ông B. Ngày 12/8/2019, bà D đã nộp đơn đề nghị tuyên bố ông B mất tích. Ngày 10/02/2020, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã tuyên bố ông B mất tích theo Quyết định số 03/2020/QĐST-DS.

Nay tình cảm với ông B không còn, bà D không biết ông B hiện đang ở đâu, không thể hàn gắn được. Do đó, bà D nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông B.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn ông Nguyễn Văn B*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn B. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường T và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

\* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm*:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông B đã được Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2020/QĐST-DS ngày 10/02/2020 nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông B.

- Về nội D vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “tranh chấp về ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2020/QĐST-DS ngày 10/02/2020. Ông B có hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh B, tạm trú: Tổ 4, khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Căn cứ vào các 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn đã có ý kiến xin được xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ B hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Theo Biên bản xác minh ngày 20/10/2020 tại Công an phường T cung cấp: “Từ khi Tòa án tuyên bố ông B mất tích đến nay thì ông B không trở về địa phương, Công an không rõ ông B hiện ở đâu, làm gì”. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Bà D và ông B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận P, Thành phố H. Như vậy, hôn nhân giữa bà D và ông B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời, ông B đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2020/QĐST-DS ngày 10/02/2020, từ ngày 10/02/2020 cho đến nay ông B không trở về địa phương cũng như không có yêu cầu Tòa án xem xét lại Quyết định tuyên bố mất tích đối với ông B. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết dứt điểm để ổn định cuộc sống cho hai bên. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn tự khai không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B về việc: “Tranh chấp ly hôn” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị D phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0048162 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường 15, quận Phú Nhuận,  
Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**Lại Thị Ngọc Bích**

